

Bản án số: 106/2019/DS-PT

Ngày: 11 - 4 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dề - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 190/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 2 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1941 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật cho UBND xã Tân H là ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Chủ tịch UBND xã Tân H.

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND xã Tân H là ông Nguyễn Hải Đăng, sinh năm 1988 – Chức vụ: Công chức địa chính –xây dựng xã Tân H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước.

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo pháp luật cho UBND huyện Cái Nước là ông Phạm Phúc G – Chủ tịch UBND huyện Cái Nước (vắng mặt).

2. Ông Võ Phúc L - sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn; Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha chồng bà để lại cho chồng bà trước khi bà về chung sống với chồng của bà. Bà và chồng bà canh tác phần đất trên đến năm 1992 thì chồng bà qua đời, bà tiếp tục canh tác phần đất trên cho đến năm 1995 thì bà được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi canh tác trên phần đất thì bà và chồng bà có đào con kênh giáp với đất của UBND xã Tân H để làm đường mương bắt cá đồng. Đến khi Nhà nước có chủ trương chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm thì UBND xã Tân H cho con của bà là Trần Văn Khởi mướn phần đất để nuôi tôm, nên bà để con mương của bà đào cho con của bà làm đường lấy nước vào vuông nuôi tôm, bà không có tranh chấp. Con bà mướn đất của UBND xã Tân H canh tác khoảng 03 đến 04 năm thì trả đất lại, UBND xã Tân H tiếp tục cho ông Võ Phúc L thuê phần đất của UBND xã Tân H đang quản lý bao trùm qua cả con mương của vợ chồng bà đào. Bà cho rằng con mương UBND xã Tân H cho ông L thuê là của đất của bà. Bà nhiều lần yêu cầu UBND xã Tân H trả lại cho bà con mương trên nhưng UBND xã Tân H không đồng ý. Nay bà yêu cầu UBND xã Tân H trả lại cho bà phần đất tranh chấp có diện tích là 479,34 m², theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2016 do Tòa án nhân dân huyện Cái Nước kết hợp với Trung tâm kỹ thuật, công nghệ, quan trắc, tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau đo vẽ. Bà không đồng ý với diện tích đất tranh chấp là 277,46 m² theo sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2016 với lý do bà không có chỉ ranh, chứng kiến việc đo đạc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Sáu Cảnh canh tác, sau đó bỏ đất đi nơi khác. Nhà nước quản lý phần đất của ông Sáu Cảnh từ năm 1963 cho đến nay, trong đó có phần đất bà N tranh chấp với UBND xã Tân H. Khi ông Sáu Cảnh canh tác thì ông Cảnh có đào mương, bao khuôn 04 bên xung quanh đất để canh tác. Khi Nhà nước quản lý phần đất của ông Sáu Cảnh đã có con mương mà bà N đang tranh chấp với UBND xã Tân H. Con mương trên là do ông Sáu Cảnh đào chứ không phải do vợ chồng bà N đào. Từ trước đến khoảng năm 2008 thì UBND xã Tân H cho rất nhiều người mướn đất trong đó có con của bà N là Trần Văn Khởi, gia đình bà N không có ý kiến gì. Phần đất bà N tranh chấp với UBND xã Tân H hiện nay đang cho ông Võ Phúc L thuê cách nay khoảng 05 đến 06 năm. Nay UBND xã Tân H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N, không thống nhất với sơ đồ đo đạc đất ngày 04/10/2016. Lý do, phần đất tranh chấp UBND xã Tân H quản lý trên 50 năm, phía hộ bà N thực tế không sử dụng con mương là đất tranh chấp, bà N có con mương xỏ nước riêng; mặt khác phần đất bà N theo đo đạc thực tế không đúng về mặt hình thể theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà N không xác định được phần đất của mình đến đâu nên bà chỉ ranh khác nhau qua 03 lần đo đạc. Việc cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N và UBND xã đăng ký mục kê chỉ căn cứ qua bản đồ không ảnh độ chính xác không cao, nên đo đạc thực tế đất bà N giảm, đất UBND xã Tân H quản lý tăng; Những người như Đoàn Hữu Phúc, Đoàn Văn Đây, Trương Văn Trà, Đặng Văn Ngoan có xác nhận nguồn gốc gọi cho Tòa án; Việc bà N yêu cầu giải quyết phần đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2016 là không đúng, bởi lẽ sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2016 có sự chứng kiến chỉ ranh của bà N, những hộ giáp ranh và được sự đồng ý của UBND xã Tân H, nên UBND yêu cầu sử dụng sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2016 có diện tích 277,46m² làm cơ sở giải quyết tranh chấp. Khoảng năm 1992, 1993 cán bộ địa chính xác định sai vị trí nên cấp nhầm phần đất con mương cho bà N, hiện trạng phần đất giữa UBND xã Tân H với bà Nguyễn Thị N đã có từ những năm 1960. Trước khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ đều có sổ mục kê rồi mới cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Nay ông yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của bà N lại cho phù hợp với thực tế. UBND xã Tân H quản lý phần đất bà N tranh chấp trước khi lập bản đồ năm 1993. Nay ông vẫn đồng ý cho ông L tiếp tục thuê phần đất trên theo hợp đồng giữa UBND xã Tân H với ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phúc L trình bày: Ông thuê phần đất của UBND xã Tân H quản lý từ năm 2007, việc thuê đất có làm hợp đồng, thời hạn thuê đất là 03 năm, khi hết 03 năm thì làm lại hợp đồng mới, ông thuê phần đất của UBND xã Tân H với giá là 3.000.000 đồng/năm, trả tiền thuê đất hàng năm. Đối với việc bà N tranh chấp với UBND xã Tân H ông không có ý kiến gì, nếu Tòa án giải quyết đất tranh chấp thuộc về UBND xã Tân H thì ông sẽ tiếp tục thuê, còn nếu đất thuộc về bà N thì ông yêu cầu cấm ranh cho rõ ràng để tiện trong việc canh tác phần đất còn lại ông thuê của UBND xã Tân H.

Tại bản án sơ thẩm số: 190/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N với Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C trả cho bà Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 277, 46m².

Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất của bà Điệp có cạnh M1M2 dài 176,75 mét;
- Phía Tây giáp với lộ bê tông có cạnh M9M1 dài 3,30 mét;
- Phía Nam giáp với kinh Chệt có cạnh N9N8 dài 177,80 mét;
- Phía Bắc giáp với đất của bà Điệp có cạnh N8M2 dài 00 mét.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đối với Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C trả cho bà phần đất có diện tích 479, 34m² theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 12/12/2018, bà N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 12/12/2018, Ủy ban nhân dân xã Tân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vắng mặt, Ủy ban nhân dân xã Tân H giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà N, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu UBND xã Tân H trả lại cho bà N phần đất tranh chấp có diện tích là 479,34 m², theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2016 của Trung tâm kỹ thuật, công nghệ, quan trắc, tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, buộc UBND xã Tân H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau trả cho bà N phần đất có diện tích 277,46m² theo sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2016. Bà N không thống nhất, UBND xã Tân H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N vì phần đất tranh chấp không thuộc quản lý của bà N mà do UBND xã Tân H quản lý ổn định hơn 50 năm, qua nhiều lần đo đạc bà N không thống nhất chỉ ranh, chưa làm rõ được nội dung con mương đó ai đào, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Trong quá trình giải quyết tranh chấp đã tiến hành nhiều lần đo đạc phần đất tranh chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng các bên không thống nhất ranh đất, chỉ có tài liệu đo đạc ngày 23/6/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau, thì bà N và UBND xã Tân H đã tự chỉ ranh đất tranh chấp, được các hộ giáp ranh chứng kiến, xác nhận, các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp là 277, 46m². Do đó cấp sơ thẩm căn cứ, sơ đồ đo đạc ngày 23/6/2016 để làm căn cứ giải quyết tranh chấp là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu của bà N buộc UBND xã Tân H trả lại cho bà phần đất tranh chấp: Phần đất của bà N giáp với phần đất tranh chấp với UBND xã Tân H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 441, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Cái Giếng, xã Tân Hưng có diện tích là 6.590m², theo đo đạc thực tế ngày 23/6/2016 bà N quản lý có diện tích là 5.882,83m² thiếu 707,17m² so với diện tích được cấp. Đối với phần đất của UBND xã Tân H quản lý (bao gồm phần đất cấp cho ông Võ Phúc L, Trường tiểu học Tân Hưng 3) đã đăng ký kê khai theo bản đồ đo đạc năm 1993 tại thửa 440, tờ bản đồ 07, ấp cái Giếng, xã Tân H là 9.560m², theo kết quả đo đạc thực tế ngày 23/6/2016 thì phần đất UBND xã Tân H quản lý là

7.965,74m² cộng với phần đất cấp cho ông Võ Phúc L là 793,2m² và Trường tiểu học Tân H 3 là 2.230,7m² bằng 10.989,64m² là nhiều hơn diện tích đăng ký kê khai là 1.429,64m².

Quá trình giải quyết tranh chấp UBND xã Tân H không đồng ý trả đất theo yêu cầu của và Nhụy vì cho rằng UBND xã Tân H quản lý phần đất tranh chấp trên 50 năm nhưng không có tranh chấp, tại phiên tòa sơ thẩm bà N cho rằng phần con mương giáp đất UBND xã là mặt nước từ trước đến nay bà vẫn sử dụng, khi UBND xã cho con bà N là Trần Văn Khởi thuê đất từ năm 2001, không có làm hợp đồng nên phần con mương tranh chấp dính liền mặt nước với phần đất UBND xã quản lý, nên bà mặc nhiên để con bà sử dụng đến khi UBND xã cho ông Võ Phúc L Thuê bà N mới tranh chấp (năm 2008).

Tại các biên bản ghi lời trình bày của ông Đặng Văn Ngoan, sinh năm 1940, ông Trương Thanh Trà, sinh năm 1926 vào ngày 06/3/2015, tường thuật ngày 17/4/2015 của ông Đoàn Văn Phúc, sinh năm 1926 và tờ ghi ý kiến ngày 03/4/2015 của ông Đoàn Văn Đây, sinh năm 1928. Ông Ngoan, ông Trà, ông Phúc, ông Đây là những người sống lâu năm ở ấp C, xã T, huyện C, tỉnh C . trình bày phần đất con mương bà N tranh chấp với UBND xã Tân H có nguồn gốc là của ông Võ Văn Cảnh, do ông Cảnh và ông Tư Tiệm đào mương này, không phải vợ chồng bà N đào. Trong những năm 1955, vì phần đất tranh chấp và cả phần đất UBND xã Tân H đang quản lý là của ông Võ Văn Cảnh canh tác, trong thời kỳ chiến tranh ông Võ Văn Cảnh không ở được nên bỏ đất ra Cà Mau sinh sống, sau khi ông Cảnh đi thì Nhà nước lấy phần đất của ông Cảnh giao cho ông Tư Tiệm canh tác, khi ông Tư Tiệm canh tác cũng có tiếp tục đào mương bao khuôn xung quanh đất để nuôi cá đồng, ông Ngoan và ông Trà, ông Phúc, ông Đây khẳng định phần đất con mương tranh chấp là do ông Cảnh và ông Tư Tiệm đào sau này UBND xã Tân H quản lý toàn bộ mà ông Cảnh và ông Tiệm cùng canh tác trước đó. Ngược lại cũng là những người lớn tuổi sống tại địa phương như ông Phan Văn Diện, sinh năm 1932, ông Trần Văn Ấm, sinh năm 1930, ông Trần Thu Thanh xác nhận phần mương tranh chấp là của ông Trần Văn Lang và vợ là bà Nguyễn Thị N đào và canh tác. Như vậy, qua làm việc, ghi lời trình bày và các tờ tường thuật của những người lớn tuổi, sống lâu năm tại ấp Cái Giếng, xã Tân Hưng thì có hai luồng ý kiến khác nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng một là phần đất tranh chấp là của UBND xã Tân H, hai là của vợ chồng ông Lang, bà N đào và canh tác. Xét thấy, phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ những năm 1960, canh tác từ trồng lúa, chuyển dịch sang nuôi tôm có nhiều thay đổi về hình thể thửa đất; Hơn nữa diện tích đất tranh chấp là 277,46m² là rất nhỏ so với tổng thể các phần đất UBND xã Tân H và phần đất bà N đang quản lý, do đó việc có thay đổi hiện trạng với diện tích nhỏ, trong thời gian dài rất khó xác định nên ý kiến trình bày của những người lớn tuổi, sống lâu năm tại địa phương chỉ là tài liệu, chứng cứ tham khảo để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N và UBND xã Tân H thừa nhận có việc ông Khởi là con bà N thuê phần đất của UBND xã quản lý để nuôi tôm nhưng không có làm hợp đồng, chỉ nói miệng, nên cũng không có cơ sở xác định UBND xã Tân H cho

ông Khởi thuê con mương, hiện nay là phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, UBND xã Tân H thừa nhận phần đất tranh chấp có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N nhưng cho rằng phần đất của bà N cấp không đúng ranh. Qua thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N thấy rằng, bà N được cấp 02 thửa đất gồm thửa 428 diện tích 12.800m², và thửa 441 diện tích 6.590m². Tại công văn số 57/PTNMT ngày 04/8/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cái Nước xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N tại các thửa 428, 441 là đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Từ những cơ sở nêu trên, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp với diện tích 277,46m² nằm trong thửa đất số 441 tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp C, xã T, huyện C do bà N đứng tên quyền sử dụng đất. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, buộc UBND xã Tân H giao lại cho bà N phần đất tranh chấp là 277,46m² là có cơ sở.

Tại đơn kháng cáo UBND xã Tân H nêu các căn cứ để yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cũng đã phân tích nhận định làm rõ những căn cứ này, tại phiên tòa phúc thẩm UBND xã Tân H không nêu thêm những căn cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của UBND xã Tân H.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà N kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc UBND xã Tân H phải trả cho bà diện tích đất 479,34m², tuy nhiên qua hai lần Tòa án triệu tập bà N đến tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm nhưng bà N đều nộp đơn yêu cầu hoãn phiên tòa lý do bị bệnh mà không cung cấp giấy tờ gì thể hiện có bệnh, việc vắng mặt của bà N tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng coi như bà N từ bỏ yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà N.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm tuy bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nên bà N, Ủy ban nhân dân xã Tân H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N
Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 190/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N với Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C trả cho bà Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 277, 46m².

Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất của bà Điệp có cạnh M1M2 dài 176,75 mét;
- Phía Tây giáp với lộ bê tông có cạnh M9M1 dài 3,30 mét;
- Phía Nam giáp với kinh Chệt có cạnh N9N8 dài 177,80 mét;
- Phía Bắc giáp với đất của bà Điệp có cạnh N8M2 dài 00 mét.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đối với Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C trả cho bà phần đất có diện tích 479, 34m² theo sơ đồ đo đạc ngày 04.10.2016.

Chi phí đo đạc đất tranh chấp bà Nguyễn Thị N không phải chịu, đã qua bà Nguyễn Thị N đã nộp 2.300.000 đồng chi phí đo đạc, thẩm định đất tranh chấp. Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền chi phí đo đạc là 2.300.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh C phải chịu 321.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã qua bà N có dự nộp 200.000 đồng nay được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị N, Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh Cà Mau phải chịu 300.000đ Ngày 12/12/2018 bà N, Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Cái Nước đã dự nộp theo biên lai thu số 0004994, 0004993 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Cái Nước;
- Chi cục THADS H. Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung